TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AE** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **399**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2021
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AE - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Đỗ Thanh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AE, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AE, tỉnh Tiền Giang*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AE, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Trịnh Thị Ngọc Q**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp AQ, xã AW, huyện AE, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: ấp AT, xã AW, huyện AE, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Văn W**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp AQ, xã AW, huyện AE, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 26/02/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trịnh Thị Ngọc Q trình bày*:

Chị và anh W quen biết tình cảm được khoảng 01 năm thì làm lễ ra mắt họ hàng hai bên vào năm 1994. Sau đó, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã AW, huyện AE, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2011 ngày 13/4/2011.

Sau khi cưới, anh chị ra sống riêng tại nhà của hai vợ chồng ở ấp AQ, xã AW, huyện AE, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con gái út thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh W thường nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện vô cớ, đánh chửi chị, gây thương tích. Anh W còn thường xuyên bạo hành, đuổi chị ra khỏi nhà. Những việc này chị có cho má chồng chị biết, nhờ bà khuyên bảo anh W dùm, nhưng má chồng chị không can thiệp mà để vợ chồng chị tự giải quyết. Cuối năm 2020 âm lịch, anh W còn đến chỗ chị làm giúp việc để phá rối công việc của chị, chửi lớn tiếng ảnh hưởng đến công việc làm ăn của chủ chị. Do cách hành xử của anh W đối với chị không đúng chuẩn mực của người chồng và đã kéo dài nhiều năm nay, tình cảm chị dành cho anh W không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh W.

- Về con chung*:* Có 02 con chung tên Nguyễn Văn R, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thanh E, sinh ngày 05/7/2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thanh E đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh W cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh W được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Nguyễn Văn R đã trưởng thành, lao động được, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 05/4/2021, biên bản hòa giải ngày 05/4/2021 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn W trình bày:*

Anh thống nhất với chị Q về thời gian quen biết, thời gian đăng ký kết hôn. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn, xuất phát từ vấn đề tiền bạc, chứ không phải nguyên nhân do chị Q trình bày. Nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý do còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Có 02 con như chị Q trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh W yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thanh E đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Văn R đã trưởng thành, lao động được, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh W.

Anh W không đồng ý ly hôn với chị Q, do anh còn thương vợ con, muốn các con có đủ cha đủ mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Q ly hôn với anh, thì về vấn đề con chung Thanh E, anh đồng ý để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu được thăm nom, chăm sóc và được gần gũi, yêu thương các con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AE, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Vụ án có quan hệ tranh chấp "Ly hôn".

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn W xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã AW, huyện AE, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2011 ngày 13/4/2011.

Tại phiên tòa, chị Q trình bày nhiều vấn đề cho rằng vợ chồng chị đã có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến rạn nứt tình cảm trầm trọng hơn 07 năm nay, từ đó chị quyết dẫn theo con gái đến nơi khác làm thuê, sinh sống, không đồng ý sống cùng nhà với anh W nữa. Chị Q cho rằng, từ lúc mới cưới và hai vợ chồng ra

riêng, thì anh W là người chồng không biết lo cho gia đình, không lo cho vợ con, anh ham mê cờ bạc, thường xuyên uống rượu, kiếm cớ ghen tuông, chửi và đánh chị gây thương tích. Hơn nữa, anh W còn đến chỗ làm của chị, lớn tiếng chửi bới làm ảnh hưởng xấu đến chị và chủ của chị. Những sự việc này, chị có báo Công an xã AW, tuy nhiên mỗi lần công an mời anh W làm việc thì anh W thường không thừa nhận. Chị còn báo cho má chồng chị biết để nhờ bà khuyên can dùm, nhưng bà không can thiệp mà để vợ chồng chị tự giải quyết với nhau. Do không thể khuyên anh W sửa đổi tính tình theo chiều hướng tốt hơn, nên chị quyết định ly thân với anh W hơn 01 năm nay.

Đối với anh W, anh hoàn toàn không thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng do chị Q trình bày, anh cho rằng nguyên nhân chị Q kiên quyết ly hôn với anh là do chị Q có tình cảm với người đàn ông khác. Anh còn cho rằng, chị Q cùng con chung Thanh E không còn sống chung nhà với anh chỉ hơn 04 năm nay, chị Q làm mẹ mà không chăm sóc tốt cho con, thường dẫn con chung Thanh E ngồi ở những quán nhậu cùng chị. Việc này, chị Q không thừa nhận, anh W cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Qua lời trình bày của các bên đương sự và trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị từ lâu đã không còn tin tưởng và tôn trọng nhau. Tại phiên toà, chị Q vẫn kiên quyết ly hôn với anh W. Anh W muốn hàn gắn tình cảm với chị Q, nhưng trong thời gian chị Q cùng con gái sống ở nơi chị Q làm thuê, anh W hoàn toàn không có giải pháp nào tác động để chị Q đồng ý quay lại sống cùng anh. Từ đó cho thấy, yêu cầu xin ly hôn với anh W của chị Q là có căn cứ, được quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Văn R, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thanh E, sinh ngày 05/7/2010.

Xét thấy, cả anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi cháu E. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cháu E đều mong muốn được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn. Về phía anh W, nếu Tòa án cho chị Q ly hôn với anh, anh đồng ý giao con chung Thanh E cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Từ đó, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các anh chị. Anh W tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Thanh E, do chị Q chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh W được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Nguyễn Văn R, đã trưởng thành, lao động được và có gia đình riêng. Anh W và chị Q không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các bên trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các bên trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AE, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc Q.

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn W.

- Về con chung:

+ Đối với con chung Nguyễn Văn R, sinh năm 1996: Không đặt ra xem xét.

+ Đối với con chung Nguyễn Thị Thanh E, sinh ngày 05/7/2010: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh W về việc giao cho chị Q tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh W tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh W được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004030 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AE, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Q đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện AE;
- Chi cục THADS huyện AE;
- UBND xã AW;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH THỊ TRÚC MAI